

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y Hà Nội

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Chỉ tiêu
I	Tiến sĩ				
1	Khoa học Y sinh	10	6	6	22
2	Điện quang và Y học hạt nhân	3	3	3	7
3	Dược lý và độc chất				
4	Gây mê hồi sức	2			5
5	Hồi sức cấp cứu và chống độc	4			5
6	Ngoại khoa	15	4	4	7
7	Nhân khoa	8			3
8	Nhi khoa	12	1	1	4
9	Nội khoa	13	4	4	37
10	Sản phụ khoa	4			3
11	Tai - Mũi - Họng	4			2
12	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	2	0	0	4
13	Ung thư	5	1	1	4
14	Răng - Hàm - Mặt	3			5
15	Y học cổ truyền				2
16	Dịch tễ học				5
17	Dinh dưỡng				4
18	Quản lý y tế	1			5
19	Y tế công cộng	3	6	6	10
	Tổng	89	25	25	134
II	Thạc sĩ				
1	Khoa học Y sinh	61	62	57	194
2	Điện quang và Y học hạt nhân	47	44	44	54
3	Dược lý và độc chất	1	4	3	19
4	Gây mê hồi sức	20	23	23	29
5	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	23	23	21	43
6	Ngoại khoa	119	124	121	151
7	Nhân khoa	23	18	18	58
8	Nhi khoa	46	39	39	75
9	Nội khoa	180	235	224	300
10	Sản Phụ khoa	48	44	44	88
11	Tai - Mũi - Họng	26	27	27	55
12	Truyền nhiễm & CBND	9	31	26	49
13	Ung thư	56	55	55	58
14	Y học Gia đình	3	9	9	16
15	Răng - Hàm - Mặt	26	38	38	110
16	Y học cổ truyền	22	23	23	67
17	Dịch tễ học	2	0	0	42
18	Dinh dưỡng	14	25	25	40
19	Quản lý bệnh viện	18	10	10	55
20	Y học dự phòng	29	34	33	48

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Chỉ tiêu
21	Y tế công cộng	47	37	29	71
22	Điều dưỡng	40	43	43	40
23	Kỹ thuật xét nghiệm y học	28	28	28	40
	Tổng	888	976	940	1702
III	Chuyên khoa 2				
1	Chẩn đoán hình ảnh	11			0
2	Da liễu	6	5	5	10
3	Dị ứng - MDLS	1			4
4	Gây mê hồi sức	10			0
5	Giải phẫu bệnh	4	4	4	8
6	Hóa sinh y học	3			5
7	Hồi sức cấp cứu	7	8	8	10
8	Huyết học và truyền máu	1	10	9	10
9	Ký sinh trùng				2
10	Lao và bệnh phổi	1			4
11	Ngoại khoa	30	48	48	48
12	Nhãn khoa	8	7	7	7
13	Nhi khoa	16	25	25	15
14	Nội khoa		19	19	
15	Lão khoa	4	9	9	10
16	Nội - Hô hấp	2	3	3	10
17	Nội - Thận Tiết niệu	6	2	2	10
18	Nội - Nội tiết	5	3	3	4
19	Nội - Tiêu hóa	4	8	8	11
20	Nội-Tim mạch		19	18	19
21	Nội-xương khớp	2	10	10	10
22	Phục hồi chức năng	5	4	4	10
23	Răng - Hàm - Mặt	1	9	9	25
24	Sản Phụ khoa	29	27	27	27
25	Tai - Mũi - Họng	11	5	5	10
26	Tâm thần	18	12	12	20
27	Thần kinh	7	3	3	10
28	Truyền nhiễm & CBNĐ	2	3	3	8
29	Ung thư	15	24	23	30
30	Vi sinh y học	2	1	1	2
31	Y học cổ truyền	7	11	11	11
32	Dinh dưỡng				0
33	Quản lý y tế	1	5	4	30
34	Y tế công cộng				5
	Tổng	219	284	280	385
IV	Chuyên khoa 1				
1	Chẩn đoán hình ảnh	44			0
2	Da liễu	22	18	18	20
3	Dị ứng MDLS				4
4	Gây mê hồi sức	38	22	22	22
5	Giải phẫu bệnh	11	16	16	16
6	Hoá sinh Y học	5	5	5	10

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Chỉ tiêu
7	Hồi sức cấp cứu	45	26	25	16
8	Huyết học - Truyền máu	8	13	13	15
9	Ký sinh trùng				2
10	KTYH chuyên ngành-XN	19	12	12	40
11	Lao	6	3	3	15
12	Ngoại khoa	60	72	70	72
13	Nhãn khoa	29	26	25	26
14	Nhi khoa	66	120	120	119
15	Nội khoa	127	127	127	127
16	Nội Tim mạch	1			
17	Phục hồi chức năng	8	12	12	20
18	Răng Hàm Mặt	31	26	25	26
19	Sản phụ khoa	96	94	94	94
20	Tai Mũi Họng	34	35	34	35
21	Tâm thần	43	6	6	20
22	Thần kinh	8	7	6	15
23	Truyền nhiễm	27	54	54	24
24	Ung thư	21	19	19	35
25	Vị sinh	6	4	4	10
26	Y học cổ truyền	58	36	36	45
27	Y học gia đình		1	1	15
28	Y học hạt nhân	1	1	1	5
29	Y pháp	3			5
30	Dinh dưỡng	3			5
31	Y học dự phòng		1	1	20
32	Y tế công cộng		26	26	30
	Tổng	820	782	775	908
V	Bác sỹ Nội trú				
1	Chẩn đoán hình ảnh	8	15	15	15
2	Da liễu	7	6	6	6
3	Dị ứng - MDLS	4	5	5	5
4	Dược lý và độc chất	1	2	1	2
5	Gây mê hồi sức	8	8	8	8
6	Giải phẫu người	1			0
7	Giải phẫu bệnh	5	10	10	10
8	Hoá sinh y học	4	3	3	3
9	Hồi sức cấp cứu	4	9	7	9
10	HH-TM	8	14	10	14
11	Ký sinh trùng	1	2	0	2
12	Lao	3	10	8	10
13	Mô phôi thai học	2	3	3	3
14	Ngoại khoa	21	55	54	55
15	Nhãn khoa	3	5	5	5
16	Nhi khoa	13	15	15	15
17	Nội khoa	25	49	49	49
18	Lão khoa				
19	Tim mạch	8	20	19	20

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Chỉ tiêu
20	Phẫu thuật tạo hình	3	6	6	6
21	Phục hồi chức năng	2	10	9	10
22	Răng - Hàm - Mặt	2	7	7	8
23	Sản phụ khoa	7	11	11	11
24	Sinh lý bệnh-Miễn dịch		2	1	2
25	Sinh lý học		2	2	2
26	Tai - Mũi - Họng	5	10	10	10
27	Tâm thần	4	20	15	20
28	Thần kinh	7	7	7	7
29	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	5	15	12	15
30	Ung thư	7	20	20	20
31	Vì sinh y học	5	5	4	5
32	Y học cổ truyền	6	8	8	8
33	Y học gia đình	1	8	8	8
34	Y học hạt nhân				0
35	Y pháp		1	1	2
36	Y sinh học di truyền	2	10	9	10
37	Dinh dưỡng	3	5	5	5
38	Y học dự phòng	2	5	5	5
	Tổng	187	383	358	385

Người lập bảng: Trần Thị Bích Hòa
 Chữ ký:
 Điện thoại: 0988278848
 Email: tbichhoa@hmu.edu.vn

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Quốc Hưng